

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 21-01-2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hồng

Ông Vi Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K; sinh năm 1970 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Văn B và bà La Thị M (đều đã chết); vợ: Diệp Thị M, con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 năm tù, phạt 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại bản án số: 250/HSST ngày 26/10/1998; bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số: 298/HSST ngày 19/12/1998, tổng hợp hình phạt chung là 6 năm 8 tháng tù, phạt tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Nguyễn Văn K đã chấp hành việc nộp án phí theo bản án số: 298/HSST ngày 19/12/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; chưa chấp hành việc nộp án phí và hình phạt tiền theo bản án số: 250/HSST ngày 26/10/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 18/5/2020 bị Công an xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 18-5-2020 về hành vi Trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng, đến nay chưa chấp hành việc xử phạt; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử 18 tháng tù về tội Trộm

cấp tài sản, phải chịu án phí 250.000 đồng (ngày 10/4/2006 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 12/10/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã ra quyết định đình chỉ án phí) tại Bản án số 01/2005/HSST ngày 06/01/2005; bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải chịu án phí 918.000 đồng (ngày 30/01/2011 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong hình phạt tù, đến tháng 11/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã ra quyết định đình chỉ án phí) tại Bản án số 08/2009/HSST ngày 25/12/2009; bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải chịu 200.000 đồng án phí (ngày 06/12/2014 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 10/7/2017 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong án phí) tại Bản án số 16/2014/HSST ngày 12/3/2014 (tính đến ngày phạm tội 06-9-2020, 03 lần bị kết án trên đã được xóa án tích), chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 15/10/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lộc Bình đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1979, trú tại: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt

2. Anh Nông Văn Q, sinh năm 1990 và chị Giáp Thị G, sinh năm 1991, cùng trú tại: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

3. Anh Lương Văn D, sinh năm 1990, trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lường Văn N, sinh năm 1976, trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

2. Chị Hứa Thị C, trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1973, trú tại: Thôn B, xã K, huyện B, Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Khúc Xuân T, vắng mặt.

2. Anh Trần Văn T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân là người nghiện ma túy, không có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2020 đến ngày 09/10/2020, Nguyễn Văn K đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 06/9/2020 Nguyễn Văn K (đang có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu VMEP SANDA, biển kiểm soát: 12K7- 1434 đi đến xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang xem gia đình nào có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Khi đến nhà Hoàng Văn C thì thấy một đồng than đá để trước cửa nhà nên Nguyễn Văn K nảy sinh ý định trộm cắp để mang đi bán lấy tiền. Lần thứ nhất Nguyễn Văn K lén lút bê trộm 02 (hai) cục than đá cho lên xe mô tô chở xuống thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giấu hai cục than đá ở bờ đường gần khu vực cổng Chợ C; lần thứ hai Nguyễn Văn K tiếp tục điều khiển xe mô tô quay lại nhà Hoàng Văn C lấy trộm 01 (một) cục than đá bê lên xe mô tô chở đến để vị trí cũ (nơi để hai cục than trước đó) cất giấu; lần thứ ba Nguyễn Văn K điều khiển xe mô tô quay lại nhà Hoàng Văn C lấy trộm 02 (hai) cục than đá bê lên xe mô tô chở đến chỗ tập kết ban đầu thì bị anh Hoàng Văn C bắt được và trình báo Cơ quan Công an lập biên bản thu giữ 05 (năm) cục than đá có trọng lượng 81,5kg.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 136/KL-HĐ ngày 24/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Bắc Giang kết luận giá trị 81,5 kg than đá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 407.500 đồng (bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03/10/2020 Nguyễn Văn K chuẩn bị bộ dụng cụ phá khóa xe mô tô rồi một mình đi xe ô tô khách đến khu vực thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng hơn 12 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Văn K thấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen xám bạc, biển kiểm soát: 98E1 – 223.82 của Nông Văn Q dựng ở dưới lòng đường tỉnh lộ 279 thuộc thôn C, xã S, huyện L không có người trông giữ. Nguyễn Văn K lấy dụng cụ phá khóa chọc vào ổ khóa điện của xe, bẻ phá khóa xe mô tô. Sau khi bẻ phá khóa xong Nguyễn Văn K khởi động xe và điều khiển xe mô tô đi theo hướng Ủy ban nhân dân xã S đi thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trên đường đi Nguyễn Văn K dừng xe và dùng tay bẻ biển số xe mô tô vứt ở rìa đường, sau đó tiếp tục điều khiển xe đến cửa hàng “Anh H” chuyên mua bán, sửa chữa xe máy cũ của ông Khúc Xuân T để bán nhưng ông Khúc Xuân T không mua vì xe không có biển số và không có giấy đăng ký xe. Sau đó Khúc Xuân T gọi điện thoại cho anh Lương Văn N đến mua xe. Sau khi thỏa thuận Nguyễn Văn K bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho Lương Văn N với giá 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 171/KL-HĐ ngày 05/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Bắc Giang kết luận giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen xám bạc, biển kiểm soát: 98E1 – 223.82 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.490.000 đồng (năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/10/2020 Nguyễn Văn K đang đứng ở trước cổng nhà tại Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì thấy Trần Văn T đi xe mô tô qua đường, do có quen biết nên Nguyễn Văn K gọi Trần Văn T dừng xe lại nói chuyện. Lúc này do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn

Văn K nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền, Nguyễn Văn K nhờ Trần Văn T dùng xe mô tô đưa đến khu vực Cầu T, Trần Văn T đồng ý, sau đó Nguyễn Văn K vào nhà lấy bộ dụng cụ phá khóa xe giấu vào túi quần rồi ngồi xe mô tô của Trần Văn T đi đến ngã ba Cầu T thuộc xã P, huyện L với mục đích xem có tài sản nào của người dân dễ sơ hở thì trộm cắp nhưng khi đến Cầu T Nguyễn Văn K chưa trộm cắp được tài sản gì nên Nguyễn Văn K tiếp tục nhờ Trần Văn T đưa lên xã L, huyện L. Khi đến khu vực giáp ranh giữa xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang và huyện B, tỉnh Lạng Sơn là khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Văn K ngồi sau xe Trần Văn T vừa đi vừa quan sát hai bên đường xem có tài sản nào dễ trộm cắp không, do chưa trộm cắp được tài sản nên Nguyễn Văn K nhờ Trần Văn T chở lên hướng xã D, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khi đến địa phận thôn Đ, xã D, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Văn K thấy ở bên trái đường có 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát: 98E1 - 040.13 của Lương Văn D dựng ở bờ đường bê tông, không có người trông giữ nên Nguyễn Văn K nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên. Sau khi đi qua khỏi vị trí để xe mô tô, Nguyễn Văn K bảo Trần Văn T dừng xe lại, Nguyễn Văn K xuống xe và bảo Trần Văn T đi về trước. Sau đó Trần Văn T điều khiển xe mô tô đi về nhà còn Nguyễn Văn K một mình quay lại phía chiếc xe mô tô dựng ở bờ đường, Nguyễn Văn K lấy bộ dụng cụ phá khóa xe từ trong túi quần (đã chuẩn bị từ trước) ra chọc vào ổ khóa của xe mô tô để bẻ phá khóa xe. Sau khi mở được khóa xe Nguyễn Văn K đạp khởi động xe mô tô và điều khiển xe về hướng xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi Nguyễn Văn K điều khiển xe mô tô đến địa phận thôn C, xã P, huyện L thì bị Công an xã P phối hợp với Công an xã M, huyện L bắt giữ, lập biên bản, thu giữ vật chứng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn kết luận giá trị xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát: 98E1 - 040.13 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-LB ngày 31 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K ra trước Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại anh Hoàng Văn C, anh Nông Văn Q, chị Giáp Thị G, anh Lương Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã khai toàn bộ sự việc như nội dung bản cáo trạng, các bị hại đã được nhận lại tài sản trộm cắp và không có yêu cầu gì; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại giấy tờ để trong xe mô tô BKS 98 E-040.13 trong vụ trộm thứ ba của bị cáo Nguyễn Văn K và không có yêu cầu gì; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VMEP SANDA, biển kiểm soát: 12K7 - 1434, màu sơn xanh, số

khung 1255047, số máy 205547 trong vụ trộm thứ nhất của bị cáo Nguyễn Văn K và không có yêu cầu gì; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn N vắng mặt tại phiên tòa, tại cơ quan điều tra đã khai toàn bộ sự việc như nội dung cáo trạng đã truy tố và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.800.000 đồng vì anh Lương Văn N không biết tài sản do trộm cắp được mà có khi mua với bị cáo Nguyễn Văn K.

Những người làm chứng ông Khúc Xuân T và anh Trần Văn T tại cơ quan điều tra khai toàn bộ sự việc như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo vì bị cáo làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng

Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn N số tiền 3.800.000 đồng. Trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng đã thu giữ của bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án, tuy nhiên trong hồ sơ đã có đủ lời khai và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng anh Lương Văn N trong đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường dân sự đối với bị

cáo Nguyễn Văn K. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn xét xử vắng mặt những người này.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với kết luận định giá tài sản và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2020 đến ngày 09/10/2020, Nguyễn Văn K đã 03 (ba) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể: Ngày 06/9/2020 tại Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn K đã có hành vi trộm cắp 05 (năm) cục than đá có trọng lượng 81,5kg trị giá 407.500 đồng (bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng), khi thực hiện hành vi này Nguyễn Văn K đang có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 03/10/2020 tại thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn K đã có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen xám bạc, biển kiểm soát: 98E1 – 223.82 trị giá 5.490.000 đồng (năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng); ngày 09/10/2020 tại thôn Đ, xã D, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Văn K đã có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát: 98E1 - 040.13 trị giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 7.997.500 đồng (bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[4] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy, có đủ cơ sở để kết tội bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an trong khu vực. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Để cá thể hóa hình phạt, có mức án thỏa đáng đối với bị cáo cần phải xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong vụ án này bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản: Trong đó có lần 01 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị xử bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm nên đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, lần thứ hai bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 5.490.000 đồng, lần thứ ba bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 2.100.000 đồng. Bị cáo chưa

được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải chịu án phí 250.000 đồng (ngày 10/4/2006 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 12/10/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã ra quyết định đình chỉ án phí) tại Bản án số 01/2005/HSST ngày 06/01/2005; bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải chịu án phí 918.000 đồng (ngày 30/01/2011 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong hình phạt tù, đến tháng 11/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã ra quyết định đình chỉ án phí) tại Bản án số 08/2009/HSST ngày 25/12/2009; bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải chịu 200.000 đồng án phí (ngày 06/12/2014 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 10/7/2017 Nguyễn Văn K đã chấp hành xong án phí) tại Bản án số 16/2014/HSST ngày 12/3/2014. Tính đến thời điểm Nguyễn Văn K thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trị giá 1.100.000 đồng vào ngày 12-4-2020, 03 lần bị kết án trên đã được xóa án tích, do vậy ngày 18-5-2020 Nguyễn Văn K bị Công an xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng- đến nay bị cáo chưa thi hành) là có căn cứ. Tính đến ngày phạm tội ngày 06/9/2020, cả 03 lần bị kết án trên đã được xóa án tích. Do đó bị cáo bị coi là có nhân thân không tốt.

[7] Từ những phân tích trên thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới phát huy tốt tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cũng xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng và nhân thân để lượng hình đối với bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm ruộng không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy anh Hoàng Văn C, anh Nông Văn Q và chị Giáp Thị G, anh Lương Văn D, chị Hứa Thị C, anh Hoàng Văn D đã được nhận lại tài sản, đồ vật và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường 3.800.000 đồng là tiền anh Lương Văn N đưa cho bị cáo để mua xe, do anh Lương Văn N không biết xe do bị cáo trộm cắp được mà có, sau khi biết đó là tài sản do trộm cắp được mà có nên anh Lương Văn N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Do vậy, cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Lương Văn N 3.800.000 đồng. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi

suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm 01 (một) chiếc kim băng kim loại màu đỏ - đen, dài 18,5cm, rộng 5,5cm cũ đã qua sử dụng; 01 (một) con dao bấm bằng kim loại màu đen, dài 16,5cm, rộng 3,5cm; 01 (một) thanh công cụ vặn ốc bằng kim loại dài 13,5cm, đường kính 1,2cm, đường kính phần ổ vặn 3cm; 01 (một) thanh đoản bằng kim loại màu trắng dài 5cm, đường kính 1,2cm; 03 (ba) thanh kim loại hình lục giác, có 01 đầu dẹt, kích thước lần lượt là (8x1)cm; (7x1)cm; (5,5 x 0,6)cm đã thu giữ vì không còn giá trị sử dụng và là công cụ phương tiện phạm tội đã thu giữ của bị cáo.

[11] Đối với xe mô tô nhãn hiệu VMEP SANDA, biển kiểm soát: 12K7-1434, màu sơn xanh, số khung 1255047, số máy 205547 mà Nguyễn Văn K sử dụng để chở số than trộm cắp được từ nhà Hoàng Văn C đến nơi cất giấu. Nguyễn Văn K khai nhận mua xe mô tô trên từ hai người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào tháng 9/2020. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ chiếc xe mô tô trên là của Hoàng Văn D, sinh năm 1973, trú tại: Thôn B, xã K, huyện B, Lạng Sơn. Hoàng Văn D khai nhận khoảng tháng 7/2020 Hoàng Văn D điều khiển xe mô tô đi làm việc tại thôn P, xã K, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, sau đó bị mất trộm và Hoàng Văn D cũng không biết ai là người trộm cắp xe mô tô. Vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, mở rộng vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Khúc Xuân T là người đã dùng điện thoại gọi cho Lương Văn N đến mua xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen xám bạc, biển kiểm soát: 98E1 - 223.82 do Nguyễn Văn K trộm cắp được. Nguyễn Văn K khai nhận sau khi bán xe xong thì Nguyễn Văn K có đưa cho Khúc Xuân T 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để trả công việc Khúc Xuân T đã giới thiệu người mua xe cho Nguyễn Văn K. Tại cơ quan điều tra Khúc Xuân T khai không biết xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen xám bạc, biển kiểm soát: 98E1 - 223.82 là do Nguyễn Văn K trộm cắp mà có và không được nhận số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) từ Nguyễn Văn K. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, tuy nhiên cả hai bên đều bảo vệ quan điểm của mình. Xét thấy, đây chỉ là tình tiết liên quan trong vụ án, không ảnh hưởng đến tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn K. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với Lương Văn N là người đã mua xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen xám bạc, biển kiểm soát: 98E1 - 223.82 do Nguyễn Văn K trộm cắp được vào ngày 03/10/2020. Tại Cơ quan điều tra Lương Văn N khai nhận không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản trộm cắp và sau khi biết đó là tài sản trộm cắp, Lương Văn N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra nên không đặt vấn đề xử lý về hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với Trần Văn T là người dùng xe mô tô đưa Nguyễn Văn K đến thôn Đ, xã D, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 09/10/2020. Tại Cơ quan điều tra

Trần Văn T khai nhận do quen biết nhau từ trước nên Nguyễn Văn K có nhờ Trần Văn T dùng xe mô tô đưa Nguyễn Văn K đi theo sự chỉ dẫn của Nguyễn Văn K. Trần Văn T không biết việc Nguyễn Văn K đi trộm cắp tài sản, quá trình Nguyễn Văn K chuẩn bị dụng cụ để thực hiện hành vi phạm tội Trần Văn T không có mặt, quá trình Trần Văn T đưa Nguyễn Văn K đến thôn Đ, xã D, huyện B, Trần Văn T có nhiều lần hỏi Nguyễn Văn K đi đâu, làm gì nhưng Nguyễn Văn K không nói với Trần Văn T là đi trộm cắp tài sản và tại thời điểm Nguyễn Văn K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Trần Văn T đã đi về trước, không được giúp sức cho Nguyễn Văn K thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô. Lời khai của Trần Văn T phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn K, do đó Trần Văn T không đồng phạm với Nguyễn Văn K trong vụ án này. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2020.
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải trả lại tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn N số tiền 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc kim bằng kim loại màu đỏ - đen, dài 18,5cm, rộng 5,5cm cũ đã qua sử dụng; 01 (một) con dao bấm bằng kim loại màu đen, dài 16,5cm, rộng 3,5cm; 01 (một) thanh công cụ vặn ốc bằng kim loại dài 13,5cm, đường kính 1,2cm, đường kính phần ổ vặn 3cm; 01 (một) thanh đoạn bằng kim loại màu trắng dài 5cm, đường kính 1,2cm; 03 (ba) thanh kim loại hình lục giác, có 01 đầu dẹt, kích thước lần lượt là (8x1)cm; (7x1)cm; (5,5 x 0,6)cm

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 12 năm 2020).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHSCA h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Mai

